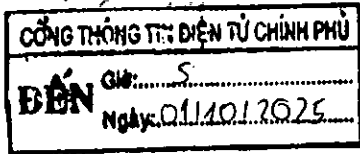


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 01/2021/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mục đích ban hành, tiêu chí xác định ngành kinh tế, danh mục và nội dung ngành kinh tế Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Điều 2. Mục đích ban hành, tiêu chí xác định ngành kinh tế

1. Mục đích ban hành

Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được sử dụng thống nhất trong:

- a) Hoạt động thống kê nhà nước;
- b) Xây dựng hệ thống đăng ký hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành;
- c) Các hoạt động quản lý nhà nước khác có liên quan.

2. Tiêu chí xác định ngành kinh tế

Ngành kinh tế là tập hợp các hoạt động kinh tế giống nhau dựa trên ba tiêu chí xếp theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Quy trình sản xuất của hoạt động kinh tế;
- b) Nguyên liệu đầu vào mà hoạt động kinh tế sử dụng để tạo ra sản phẩm;
- c) Đặc điểm sản phẩm đầu ra của hoạt động kinh tế.

Điều 3. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam bảo đảm phản ánh đầy đủ các hoạt động kinh tế diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam và bảo đảm so sánh quốc tế. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam gồm:

- a) Danh mục ngành kinh tế Việt Nam (Phụ lục I kèm theo);
- b) Nội dung ngành kinh tế Việt Nam (Phụ lục II kèm theo).

2. Cấu trúc cơ bản và cách đánh mã số trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Danh mục ngành kinh tế Việt Nam gồm 5 cấp:

- a) Ngành cấp 1 gồm 22 ngành được quy định theo bảng chữ cái lần lượt từ A đến V;
- b) Ngành cấp 2 gồm 87 ngành được hình thành theo từng ngành cấp 1 tương ứng và mỗi ngành được đánh mã số bằng hai chữ số từ 01 đến 99;
- c) Ngành cấp 3 gồm 259 ngành được hình thành theo từng ngành cấp 2 tương ứng và mỗi ngành được đánh mã số bằng ba chữ số từ 011 đến 990;
- d) Ngành cấp 4 gồm 495 ngành được hình thành theo từng ngành cấp 3 tương ứng và mỗi ngành được đánh mã số bằng bốn chữ số từ 0111 đến 9900;
- đ) Ngành cấp 5 gồm 743 ngành được hình thành theo từng ngành cấp 4 tương ứng và mỗi ngành được đánh mã số bằng bốn chữ số từ 01110 đến 99000.

3. Nội dung ngành kinh tế Việt Nam giải thích rõ những hoạt động kinh tế gồm các yếu tố được xếp vào từng bộ phận, trong đó:

- a) Bao gồm: Những hoạt động kinh tế được xác định trong ngành kinh tế;
- b) Loại trừ: Những hoạt động kinh tế không được xác định trong ngành kinh tế nhưng thuộc các ngành kinh tế khác.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2025.

2. Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính (Cục Thống kê)

a) Xây dựng các tài liệu, sổ tay hướng dẫn áp dụng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện;

b) Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo đúng quy định của Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). **10**



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Đức Phóc